

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/HS-PT

Ngày: 10/9/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Vượng

Các Thẩm phán: - Ông Vũ Đức Long

- Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở TAND tỉnh Lai Châu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 26/2026/TLPT-HS ngày 17 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo Chim Văn N do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lai Châu đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 141/2026/HS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực Châu.

*** Bị cáo bị kháng nghị:**

1. Họ và tên: **Chim Văn N** (tên gọi khác: Không), S ngày 30/9/1992 tại xã B, tỉnh Lai Châu. Số CCCD: 012092007500, cấp ngày 09/8/2021, Nơi cấp: Cục C – Bộ C1; Nơi ĐKKHKT: Bản N, xã B, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Văn M, sinh năm 1966 và con bà Lù Thị H, sinh năm 1966; Có vợ là Nguyễn Thị M1, sinh năm 1996; bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/03/2026 đến ngày 26/3/2026 chuyển tạm giam tại Phân trại tạm giam Mường Tè thuộc trại Tạm giam Công an tỉnh L cho đến ngày (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 sáng ngày 23/3/2026, Chim Văn N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 25M1-130.36, nhãn hiệu HONDA Wave 110, màu trắng, đen, bạc của mình đi từ nhà tại bản N, xã B, tỉnh Lai Châu đi lên bản Đầu Nậm Xả, xã B đi tìm mua Heroine sử dụng. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày Chim V đến bản Đầu Nậm Xả, xã B, tỉnh Lai Châu. Tại đây, gặp một người đàn ông dân tộc La Hủ (không rõ nhân thân, lai lịch), và nhờ người đàn ông này đi mua Heroine với số tiền 1.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ Ngọp người đàn ông đi bộ vào trong bản, được khoảng 10 phút sau thì quay lại và đưa cho N 01 gói Heroine được gói bằng nilon màu xanh. Nhận được gói H1, N cất giấu vào trong túi áo ngực bên phải đang mặc trên người, điều khiển xe mô tô đi về nhà tại bản Nà Hừ 2, xã B. Vào hồi 10 giờ 30 phút, cùng ngày khi N đi đến bản N, xã B thì gặp Tổ công tác Công an xã B phát hiện, bắt quả tang và thu giữ gói Heroine trên và 01 xe mô tô. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đồng thời thu giữ, niêm phong vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số: 285/KL-KTHS, ngày 25/3/2026 của Phòng thuật hình sự Công an tỉnh L kết luận:

“Sô chất bột, màu trắng thu giữ của Chim V có khối lượng 3,28g (phẩy hai mươi tám gam);

Mẫu chất bột, màu trắng thu giữ của Chim Văn N gửi giám định là ma túy, loại: Heroine (Heroin)."

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 141/2026/HS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực Châu đã quyết định: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1, 2 51 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Chim Văn N phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, xử phạt bị cáo Chim Văn N 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 23/03/2026. Căn cứ vào khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Chim Văn N, ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực Châu có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-KV4 với nội dung: Kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 141/2026/HS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực Châu về quyết định hình phạt đối với bị cáo Chim Văn N. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa Bản án sơ thẩm theo hướng tăng mức hình phạt đối với bị cáo Chim Văn N.

Tại phiên tòa phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu giữ nguyên nội dung kháng nghị. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lai Châu với bản án số: 141/2026/HS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực Châu. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Chim Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo Chim Văn N xét thấy mức án mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo N là chưa tương xứng với hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, không đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cụ thể: Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về nhân thân bị cáo là người nghiện chất ma túy từ năm 2024. Khi bị bắt ngày 23/3/2026, qua thử chất ma túy bị cáo N dương tính với chất ma túy (MOP). Bên cạnh đó nơi bị cáo sinh sống là địa bàn trọng điểm về vi phạm, tội phạm về ma túy, trong thời gian qua các cơ quan chức năng đã tích cực tuyên truyền, đấu tranh phòng chống vi phạm, tội phạm về ma túy tình hình tội phạm về ma túy trên địa bàn còn phức tạp xảy ra nhiều và chưa có chiều hướng giảm. Hành vi phạm tội của bị cáo gây cản trở cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, khối lượng Heroine mà bị cáo Chim Văn N tàng trữ 3,28 gam mục đích để sử dụng điều đó cho thấy bị cáo tàng trữ khối lượng ma túy này để sử dụng lâu dài qua đó cho thấy hậu quả mà hành vi phạm tội là lớn nếu không kịp thời được phát hiện, ngăn chặn. Bên cạnh đó tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định tàng trữ khối lượng Heroine từ 0,1 gam đến 05 có mức hình phạt từ 03 năm đến 05 năm tù. Như vậy khối lượng Heroine 3,28 gam mà bị cáo tàng trữ tương đương 65,6% của 05 gam cùng với đó cũng tương đương 65,6% của mức hình phạt 05 năm tù. Với mức hình phạt 03 năm 03 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Chim Văn N là chưa đảm bảo tính tương xứng, răn đe, giáo dục, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm cũng như việc tuân thủ quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tỉnh Lai Châu đề nghị HĐXX phúc thẩm áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, sửa Bản án sơ thẩm số: 141/2026/HS-ST ngày 09/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lai Châu theo hướng tăng hình phạt. Đề nghị áp dụng Điều 38, Điều 50; Điểm s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Chim V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Chim V từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Bị cáo Chim Văn N trình bày ý kiến: Nhất trí với Kháng nghị của Viện kiểm sát và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lai Châu có Quyết định kháng nghị nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung vụ án và nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy: Bản án sơ thẩm đã xác định bị cáo Chim Văn N có hành vi tàng trữ trái phép 3,28 gam Heroine, phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 03 năm 03 tháng tù. Tuy nhiên, xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, khối lượng chất ma túy bị cáo tàng trữ là 3,28 gam, thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, với khung hình phạt từ 03 năm đến 05 năm tù, thì mức hình phạt 03 năm 03 tháng tù mà cấp sơ thẩm áp dụng là chưa thật sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu về việc tăng hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ cần được chấp nhận. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy cần đánh giá toàn diện không chỉ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà còn phải xem xét nhân thân, hoàn cảnh của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như mục đích của hình phạt. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên điều kiện tiếp cận, nhận thức về xã hội và pháp luật còn có những hạn chế nhất định. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện thái độ ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, ông nội của bị cáo có tham gia cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhì, là tình tiết được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, mặc dù cần tăng hình phạt so với mức án cấp sơ thẩm đã tuyên để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, nhưng cũng cần cân nhắc mức hình phạt phù hợp với nhân thân, hoàn cảnh và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, bảo đảm nguyên tắc cá thể hóa hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật

hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu và đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Mặc dù mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa thấp hơn mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu đề nghị khi tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy sự khác nhau này không làm thay đổi nội dung và căn cứ của kháng nghị. Bởi lẽ, kháng nghị xác định cần thiết phải tăng hình phạt đối với bị cáo so với mức án 03 năm 03 tháng tù của bản án sơ thẩm, còn việc xác định mức hình phạt cụ thể phải căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm và đánh giá toàn diện các tình tiết của vụ án, nhân thân bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã tiếp tục khẳng định sự cần thiết phải tăng hình phạt đối với bị cáo, đồng thời đã cân nhắc đầy đủ hơn các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo để đề xuất mức hình phạt phù hợp. Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt 03 năm 09 tháng tù là đủ nghiêm để giáo dục, cải tạo bị cáo, bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa chung, đồng thời vẫn thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Mức án này cao hơn mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên 06 tháng, nhưng chưa đến mức quá nghiêm khắc như mức hình phạt cao nhất trong phạm vi Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Đây là mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các đặc điểm về nhân thân, hoàn cảnh của bị cáo. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-KV4 ngày 20/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lai Châu về việc tăng hình phạt đối với bị cáo Chim Văn N là có căn cứ, cần chấp nhận; quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tại phiên tòa phúc thẩm về việc chấp nhận kháng nghị và đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù cũng có căn cứ cần chấp nhận. Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt, xử phạt bị cáo Chim Văn N 03 năm 09 tháng tù.

[3] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tụng hình sự; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực C. Sửa một phần bản án số: 141/2026/HS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực Châu như sau:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Chim Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Chim Văn N 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 23/03/2026.

2. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 141/2026/HS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực Châu không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án 10/9/2026./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lai Châu;
- TAND Khu vực 4- lai Châu;
- VKSND Khu vực 4- Lai Châu;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lai Châu;
- PV06; PC10 CA tỉnh;
- Phòng THADS Kv 4- Lai Châu;
- CQTHAHS Công an tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Thị Vượng

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lai Châu;
- TAND Khu vực 4 – Lai Châu;
- VKSND Khu vực 4 – Lai Châu;
- Chi cục THADS Khu vực 4 – Lai Châu;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Thị Vượng